

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **14/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 29 – 01 – 2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Quý
2. Ông Huỳnh Văn Đường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXX - ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Cẩm D, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Lê Quang K, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Phước Long (nay là xã N, huyện Bù Gia Mập), tỉnh Bình Phước vào ngày 06/10/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh K đam mê cờ bạc, thường xuyên gây cảnh nợ nần, đánh đập vợ con. Vào năm 2018,

chị D có nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh K nhưng anh K hứa sẽ sửa đổi nên chị rút đơn về nhưng anh K vẫn không thay đổi, mặc dù chị đã khuyên nhủ nhiều lần. Chị D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm T, không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có hai người con chung tên Lê Thanh S sinh ngày 25/4/2005 và Lê Phúc T sinh ngày 21/8/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu S và T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của anh K.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Dương Thị Cẩm D khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Lê Quang K đang cư trú tại khu phố 1, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã N, huyện Phước Long (nay là xã N, huyện Bù Gia Mập), tỉnh Bình Phước vào ngày 06/10/2004, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 483. Do vậy, hôn nhân giữa chị D và anh K là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh K: Chị D trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không mấy hạnh phúc, nguyên nhân là do anh K ham mê cờ bạc, thường xuyên gây cảnh nợ nần, đánh vợ, không quan tâm, chăm sóc cho gia đình; chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh K vẫn không thay đổi. Qua xác minh tại địa phương (BL 23) xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn như phía chị D đã trình bày. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không lên làm việc, hòa giải với chị D, điều này cho thấy anh K bỏ mặc, không có thiện chí đề hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh K đã lâm vào trầm T, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận, cho chị D được ly hôn với anh K.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh K có hai con chung tên Lê Thanh S sinh ngày 25/4/2005 và Lê Phúc T sinh ngày 21/8/2011. Xét thấy, chị D có công việc, nguồn thu nhập ổn định; anh K thường xuyên đánh bạc gây nợ nần, không có công việc ổn định. Đồng thời, các cháu S, T đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, để đảm bảo trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị D là được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu S, T cho đến khi các đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải theo qui định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Dương Thị Cẩm D được ly hôn với anh Lê Quang K.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thanh S, sinh ngày 25/4/2005 và Lê Phúc T, sinh ngày 21/8/2011 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu S, T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo Biên lai thu số 0006xxx ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS Tx. Phước Long;
- UBND xã N, H. Bù Gia Mập, BP (số 483 ngày 06/10/2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST

Ngày 09/8/2017

“V/v Tranh chấp về cấp
dưỡng” giữa anh Nguyễn Doãn
Phương và chị Đinh Thị Thanh Vân

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Quý

Ông Hà Xuân Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:
Ông Dương Xuân Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2016/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Doãn Phương, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Đường D6, tổ 1, khu phố 5, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

** Bị đơn:* Chị Đinh Thị Thanh Vân, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Phước Lộc, xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Doãn Phương trình bày:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 58/2010/QĐST – HNGĐ ngày 29/12/2010 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Doãn Phương và chị Đinh Thị Thanh Vân và giao con chung Nguyễn Thảo Hiền sinh ngày 20/4/2008 cho anh Phương trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hiền đủ 18 tuổi, chị Vân có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 800.000đ, thời hạn cấp dưỡng

tính từ tháng 01 năm 2011 cho đến khi cháu Hiền đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, do chị Vân bị bệnh lý về mắt đang điều trị nên đã không cấp dưỡng nuôi con theo quyết định. Từ tháng 01 năm 2015 đến nay chị Vân mới thực hiện đầy đủ việc cấp dưỡng định kỳ. Xét thấy cháu Hiền đang trong độ tuổi phát triển, các khoản chi phí cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, nhu cầu học tập, sinh hoạt, vui chơi đều tăng, cụ thể: tiền ăn 70.000đ/ngày x 30 ngày = 2.100.000đ/tháng, tiền phục vụ học tập 500.000đ/tháng, tiền sữa 600.000đ/tháng, quần áo, sách vở, bảo hiểm, vui chơi giải trí, ốm đau 400.000đ/tháng, học võ, bóng bàn 200.000đ/tháng/môn. Tổng chi phí là 4.000.000đ/tháng. Do đó, mức cấp dưỡng 800.000đ/tháng không còn phù hợp với thời điểm hiện tại. Thu nhập chính của anh Phương chỉ từ lương giáo viên tiểu học là 6.148.917đ/tháng, khấu trừ các khoản vay sinh hoạt nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hiền gặp khó khăn. Chị Vân là giáo viên mầm non, thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng, lại ở một mình. Nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Vân có nghĩa vụ nâng mức cấp dưỡng từ 800.000đ/tháng lên 1.800.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Hiền đủ 18 tuổi theo phương thức định kỳ hàng tháng.

Tại bản tự khai đề ngày 14/02/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn Đinh Thị Thanh Vân trình bày:

Chị Vân thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn anh Phương về việc sau khi ly hôn, con chung do anh Phương nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng. Do chị bị bệnh lý về mắt phải điều trị nên đã không thực hiện cấp dưỡng một thời gian, một phần do thời gian đó anh Phương đã ngăn cản, gây khó khăn cho chị trong việc thăm nom con chung. Nghề nghiệp của chị Vân là giáo viên mầm non của trường mẫu giáo Phước Tín với mức lương 4.980.145đ/tháng, hiện đang ở nhờ nhà mẹ ruột. Do có nhu cầu đi lại nên vào tháng 11 năm 2016 chị đã vay tiền mua xe máy trả góp nên hàng tháng ngoài tiền cấp dưỡng chị còn phải đóng trả góp, thu nhập còn lại chỉ còn 1.677.000đ, không đảm bảo cho nhu cầu chi tiêu tối thiểu, nên chị Vân không đồng ý nâng mức cấp dưỡng từ 800.000đ/tháng lên 1.800.000đ/tháng như anh Phương yêu cầu. Chị Vân yêu cầu giữ nguyên mức cấp dưỡng cũ là 800.000đ/tháng.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình, mục 11 Nghị quyết 02/2000/NQ – HĐTP ngày 23/12/2000 hướng dẫn áp dụng một số qui định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 cần chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Doãn Phương về nâng mức cấp dưỡng trên 800.000đ/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Doãn Phương khởi kiện yêu cầu “Tranh chấp về cấp dưỡng” với chị Đinh Thị Thanh Vân đang cư trú tại thôn Phước Lộc, xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 5 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Xét yêu cầu xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Doãn Phương vì lý do chi phí tối thiểu cho học tập, sinh hoạt của cháu Hiền ngày càng tăng, giá cả thị trường có sự biến động tăng, mức cấp dưỡng 800.000đ/tháng không còn phù hợp với thời điểm hiện nay, chị Vân có công việc và thu nhập ổn định, nguyên đơn và bị đơn không thể thỏa thuận được việc thay đổi mức cấp dưỡng. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phương là có căn cứ cần được chấp nhận theo qui định tại khoản 2 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình “*Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”

[3] Xét yêu cầu xin thay đổi mức cấp dưỡng của nguyên đơn từ 800.000đ/tháng lên 1.800.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn nêu các khoản chi phí cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập, sinh hoạt cho con chung (cháu Hiền) đều tăng nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp và có căn cứ, vì đây là các khoản chi thực tế nhưng không thể thể hiện trên hóa đơn, chứng từ cụ thể và đề nghị Tòa án thu thập. Tòa án cũng đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương nơi anh Phương và chị Vân hiện đang cư trú nhưng không xác định được chi phí nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của người dân tại địa phương. Tuy nhiên, căn cứ vào thu nhập và khả

năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng chị Vân. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Vân hiện đang là giáo viên mầm non, có thu nhập ổn định với mức lương 4.980.145đ/tháng, không có nghĩa vụ nuôi dưỡng hay cấp dưỡng thêm người nào khác. Mặt khác, tại các biên bản xác minh ngày 03/4/2017 tại trường tiểu học M và trường tiểu học Trần Hưng Đạo cung cấp phiếu ăn buổi trưa là 22.000đ/ngày; biên bản xác minh ngày 11/4/2017 tại trường tiểu học Trương Vĩnh Ký nơi cháu Hiền đang theo học, nhà trường cung cấp do cháu Hiền có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có thành tích trong hoạt động thể thao (vận động viên bóng bàn của trường) nên nhà trường miễn cho cháu Hiền các khoản đóng góp, tuy nhiên anh Phương vẫn phải trang bị cho cháu Hiền các khoản như sách vở, đồ dùng học tập, đồng phục và mua bảo hiểm cho cháu Hiền. Ngoài ra, việc anh Phương trình bày hàng tháng còn chi phí tiền mua sữa và cho cháu Hiền học các môn thể thao như võ, bóng bàn, xét cháu Hiền đang trong độ tuổi phát triển về thể chất nên việc bổ sung sữa, các khoáng chất và rèn luyện thể thao nâng cao sức khỏe là cần thiết, nên các khoản chi phí này cần được chấp nhận. Tại biên bản xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ phường Long Phước cung cấp chi phí cho việc nuôi dưỡng và học tập cho một trẻ em đang học tiểu học tại địa bàn phường Long Phước từ bốn triệu đồng/tháng trở lên. Từ các nhận định trên, xét thấy yêu cầu của anh Phương là chính đáng, xuất phát từ việc chăm lo cho sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần cho con chung đang trong độ tuổi phát triển. Căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng (cháu Hiền) về những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành để đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ về vật chất và điều kiện ăn, ở, mặc, học hành, khám chữa bệnh và những chi phí sinh hoạt thông thường khác thì mức cấp dưỡng của bị đơn Đinh Thị Thanh Vân đối với cháu Hiền là 800.000đ/tháng theo Quyết định số 58/2010/QĐST – HNGĐ ngày 29/12/2010 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long là không còn phù hợp với tình hình thực tế nữa nên cần nâng mức cấp dưỡng lên cho phù hợp.

[4] Xét thu nhập hiện tại của chị Vân là 4.980.145đ/tháng, anh Phương yêu cầu nâng mức cấp dưỡng từ 800.000đ/tháng lên 1.800.000đ/tháng, chị Vân không đồng ý nâng mức cấp dưỡng vì các lý do hiện nay chị đang phải trả góp tiền mua xe máy và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng 800.000đ/tháng, thu nhập còn lại chỉ còn 1.677.000đ, chị Vân cho rằng việc Chị Vân thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng chỉ là hỗ trợ anh Phương một phần chi phí nuôi con, mặc khác lương của anh Phương một tháng hơn sáu triệu đồng vẫn đảm bảo tốt cho việc nuôi con nên chị Vân yêu cầu giữ nguyên mức cấp dưỡng cũ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con vừa là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Như đã phân tích ở trên, mức cấp dưỡng cũ 800.00đ/tháng đã không còn phù hợp cho việc nuôi dưỡng cháu Hiền trong thời điểm

hiện nay. Tuy nhiên, yêu cầu của anh Phương nâng mức cấp dưỡng lên 1.800.000đ/tháng là quá cao. Việc chấp nhận mức cấp dưỡng này có thể sẽ gây khó khăn cho việc chi tiêu nhu cầu sinh hoạt của chị Vân. Do đó, để đảm bảo cho khả năng thực hiện việc cấp dưỡng của chị Vân và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Hiền cũng như tạo điều kiện cho cháu Hiền phát triển bình thường về mọi mặt, xét cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Vân có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thảo Hiền 1.500.000đ/tháng là phù hợp, thời gian cấp dưỡng từ ngày 09/8/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi cháu Hiền đủ 18 tuổi, theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

[5] Về quan điểm của kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[6] Đối với phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận toàn bộ, xét thấy theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do buộc chị Vân có nghĩa vụ cấp dưỡng theo mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nên chị Vân phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng” của anh Nguyễn Doãn Phương, tuyên xử:

Buộc chị Đinh Thị Thanh Vân có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thảo Hiền sinh ngày 20/4/2008 mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng),

theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 09/8/2017 cho đến khi cháu Hiền đủ 18 tuổi.

2. Về án phí:

Chị Vân phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 09/8/2017.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

